

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng
và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thời gian qua, việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế bao gồm: Nhân lực, vật lực và tài lực đã có đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, phát triển và hội nhập của đất nước. Nguồn nhân lực dồi dào; con người Việt Nam có tinh thần yêu nước, cần cù, sáng tạo; trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng lên đã đáp ứng cơ bản nhu cầu của thị trường lao động. Lực lượng lao động có sự chuyển dịch nhanh từ khu vực nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ. Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, có nhiều tiềm năng để khai thác, sử dụng; cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hoá, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh nâng cao đời sống nhân dân. Việc quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính, tiền tệ đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, duy trì tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, việc quản lý, khai thác, sử dụng, phát huy các nguồn lực hiện còn hạn chế, bất cập; việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực chưa hợp lý, hiệu quả chưa cao, nhiều trường hợp chưa theo cơ chế thị trường, gây lãng phí và làm cạn kiệt nguồn lực của đất nước. Chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung còn thấp, cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo còn bất hợp lý, thiếu hụt nhân lực là kỹ sư thực hành, công nhân kỹ thuật bậc cao, trình độ ngoại ngữ hạn chế, thiếu các kỹ năng mềm. Kết nối cung - cầu trên thị trường lao động còn nhiều bất cập. Tình trạng thất nghiệp ở nhóm lao động trẻ hoặc không phù hợp giữa công việc và trình độ đào tạo còn khá phổ biến. Chất lượng việc làm thấp, việc làm phi chính thức chiếm tỉ trọng cao. Năng suất lao động thấp so với các nước trong khu vực. Việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên chưa hiệu quả. Diện tích đất sử dụng kém hiệu quả hoặc chưa sử dụng còn lớn; nhiều địa phương buông lỏng quản lý dẫn đến tình trạng đất bị hoang hoá, bị lấn chiếm, tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và gây thất thu ngân sách nhà nước. Năng lực khai

thác tài nguyên khoáng sản còn nhiều hạn chế, công nghệ chậm được đổi mới. Việc phối hợp giữa các chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản chưa tốt, còn hiện tượng cát cứ và thiếu đồng bộ, liên thông giữa các vùng, miền, địa phương, làm giảm hiệu quả khai thác tài nguyên. Tình trạng khai thác tài nguyên khoáng sản, nguồn nước ngầm quá mức gây lãng phí và huỷ hoại môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi. Thị trường tài nguyên khoáng sản chậm được hình thành, phát triển thiếu đồng bộ. Quan điểm đẩy mạnh kinh tế hoá ngành tài nguyên, môi trường chậm được triển khai, thể chế hoá và tổ chức thực hiện. Cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đầu tư vào kết cấu hạ tầng còn dựa nhiều vào ngân sách nhà nước; hoạt động xã hội hoá, thu hút các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế. Khung khổ pháp lý còn thiếu, chưa đồng bộ; việc quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở hạ tầng còn bất cập. Hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, tiền tệ chưa cao: Cân đối chi chưa gắn kết chặt chẽ với khả năng thu từ nền kinh tế; việc phân bổ các nguồn lực còn dàn trải, lãng phí; ứng chi và nợ đọng xây dựng cơ bản còn lớn; bội chi ngân sách ở mức cao, nguồn lực dự trữ quốc gia còn hạn chế. Quản lý, sử dụng tài sản công còn kém hiệu quả, lãng phí, thất thoát. Nợ xấu tuy đã được xử lý một bước quan trọng nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro đối với an toàn, hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng. Việc dự báo, cân đối và quản lý quỹ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội chưa tốt.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên là do chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế. Việc ban hành và tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách, pháp luật còn bất cập, thiếu đồng bộ, chưa theo kịp diễn biến thực tiễn và yêu cầu phát triển. Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương và địa phương nhiều trường hợp còn thiếu chặt chẽ, kém hiệu quả. Việc kiểm tra, giám sát, quản lý các nguồn lực chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức, thiếu tính chuyên nghiệp. Công tác kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế chưa được tổ chức thường xuyên, định kỳ.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế cho phát triển đất nước là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay để khắc phục các tồn tại, yếu kém của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo các mục tiêu Đại hội Đảng lần thứ XII đề ra.

- Đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hoá, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh kinh tế hoá nguồn vật lực, trong đó tập trung vào nguồn lực tài nguyên thiên nhiên. Tập trung khai thác tối đa tiềm năng khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực chất các nguồn lực của nền kinh tế là cơ sở quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn trong từng thời kỳ. Tất cả các nguồn lực của nền kinh tế phải được kiểm kê đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ, đúng đắn trong nền kinh tế; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực của đất nước và huỷ hoại môi trường.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiến tới trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với nguồn nhân lực

- *Đến năm 2025:* Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 33% tổng số lao động của cả nước. Khắc phục cơ bản tình trạng mất cân đối cung - cầu nhân lực trong nền kinh tế; thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm, củng cố hệ thống chức nghiệp thực tài.

- *Đến năm 2035:* Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 25% tổng số lao động của cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức cao trên thế giới (giá trị từ 0,700 - 0,799). Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, có đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, chuyên gia đầu ngành tương đương trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực.

- *Đến năm 2045:* Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 15% tổng số lao động của cả nước. Chỉ số phát triển

con người (HDI) đạt mức cao trên thế giới (giá trị từ 0,800 trở lên). Năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nhân lực Việt Nam đạt mức trung bình các nước ASEAN-4.

b) Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2025

+ Hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư. Xây dựng mới và duy trì vận hành mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường hiện có.

+ Hình thành hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, hiện đại. Hoàn thành dứt điểm các công trình có tính chất cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cấp hạ tầng kết nối giữa các vùng, miền trong cả nước và kết cấu hạ tầng đô thị.

- Đến năm 2035

+ Phát triển các công cụ điều tiết thị trường quyền sử dụng đất, bảo đảm khoảng 99% diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước; phục hồi 25% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái. Hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc tài nguyên, môi trường quốc gia theo hướng tự động hoá. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên, môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên quốc gia.

+ Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận tiện, nhanh chóng đến các vùng, miền trong cả nước, khu vực và với quốc tế.

- Đến năm 2045

+ Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

+ Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt trong nước với quốc tế, ngang bằng với các nước phát triển.

c) Đối với nguồn tài lực

- Đến năm 2025

+ Giữ vững an ninh tài chính quốc gia; bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỉ lệ bội chi ngân sách nhà nước, đến năm 2020 xuống dưới 4% GDP, đến năm 2030 xuống khoảng 3% GDP, hướng tới cân bằng thu - chi ngân

sách nhà nước. Đến năm 2030, nợ công không quá 60% GDP, nợ chính phủ không quá 50% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia không quá 45% GDP.

+ Đến năm 2020 cơ bản hoàn thành và đến năm 2025 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên phạm vi cả nước; hoàn thành di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở phải di dời theo quy hoạch đã được phê duyệt.

+ Đến năm 2025 mức dự trữ quốc gia đạt 0,8% - 1,0% GDP. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt 55% GDP.

- Đến năm 2035

+ Mức dự trữ quốc gia đạt 1,5% GDP. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt 70% GDP. Nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm chiếm 20% - 30% tổng nguồn vốn đầu tư dài hạn.

+ Thu ngân sách nhà nước về đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5% tổng thu ngân sách nhà nước hằng năm.

- Đến năm 2045

+ Mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt 80% GDP. Nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm chiếm 30% - 50% tổng nguồn vốn đầu tư dài hạn.

+ Giữ ổn định thu ngân sách nhà nước về đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5% - 7% tổng thu ngân sách nhà nước.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của đất nước.

1.2. Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế; nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của nền kinh tế.

1.3. Cơ cấu lại nền kinh tế, ngành, vùng và sản phẩm chủ yếu theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung các nguồn lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao và có thị trường tiêu thụ. Đổi mới cơ cấu thành phần

kinh tế theo hướng bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng, tôn trọng tính phổ biến hơn là nhấn mạnh tính đặc thù; định vị vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước tập trung vào định hướng, dẫn dắt và thực hiện những dịch vụ công, đầu tư các dự án trọng điểm quốc gia mà các thành phần kinh tế khác không đủ năng lực hoặc không có nhu cầu đầu tư.

1.4. Nâng cao năng lực kiến tạo, quản trị quốc gia và năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích, đánh giá, dự báo trên các lĩnh vực. Thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng và dân chủ hoá đời sống kinh tế - xã hội. Kiểm soát tốt quyền lực, đề cao trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ. Xây dựng và thực thi nghiêm các chế tài đủ mạnh nhằm ngăn chặn hành vi cửa quyền, độc quyền; cơ chế xin - cho; lợi ích nhóm; đẩy lùi tham nhũng, góp phần củng cố lòng tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và toàn xã hội.

1.5. Chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Trước mắt cần nghiên cứu thấu đáo nội hàm, phương thức vận hành và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; định hướng nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cụ thể vào một số ngành, lĩnh vực, địa bàn để chủ động hội nhập và hoà chung vào dòng chảy của cuộc cách mạng công nghiệp này.

1.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực của nền kinh tế.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực

2.1. Đối với nguồn nhân lực

a) Nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế về phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực Việt Nam

- Tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức, thực hiện tốt chủ trương coi giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá, hội nhập quốc tế, phát triển giáo dục - đào tạo gắn với phát triển khoa học và công nghệ.

- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động. Triệt để khắc phục "bệnh thành tích" và những tiêu cực trong giáo dục, đào tạo; khắc phục tâm lý và hiện tượng quá coi trọng và đề cao "Bằng cấp", "Chứng chỉ" một cách hình thức trong tuyển dụng và đánh giá nhân lực.

- Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về phát triển, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực, nhất là luật pháp về lao động tiền lương, giáo dục - đào tạo, bảo hiểm xã hội...

- Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng, xã hội, nghề nghiệp... trong phát triển nguồn nhân lực. Phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hoá, vui chơi giải trí, có cuộc sống tinh thần lành mạnh nhằm nhanh chóng tái tạo, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của mỗi người.

b) Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực

- Đổi mới căn bản và toàn diện chính sách về đánh giá, sử dụng nhân lực trong khu vực nhà nước. Cải thiện điều kiện, môi trường lao động để tạo động lực, khuyến khích lao động hiệu quả, sáng tạo. Khẩn trương xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, thực hiện trả lương theo vị trí việc làm, gắn với kết quả hoạt động công vụ và hiệu suất làm việc.

- Đổi mới công tác đào tạo, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và chế độ tiền lương đối với các đơn vị hành chính công dựa trên nguyên tắc thị trường, bảo đảm cán bộ, công chức đủ sống bằng lương và từng bước có tích lũy. Đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực.

- Xây dựng tiêu chuẩn, quy trình đánh giá nhân lực dựa trên năng lực đóng góp, kết quả, năng suất lao động thực tế, thực hiện chế độ đãi ngộ tương xứng với trình độ, năng lực và kết quả công việc. Thực hiện giám sát xã hội, bảo đảm vai trò giám sát của cộng đồng, phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc giám sát chất lượng đào tạo nhân lực. Tổ chức lại hệ thống cấp bậc đào tạo theo chuẩn mực quốc tế.

- Quy hoạch lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trường, cơ sở dạy nghề bảo đảm phù hợp yêu cầu phát triển và điều kiện từng vùng, miền trên cả nước. Hình thành các trường dạy nghề chất lượng cao đạt đẳng cấp quốc tế và khu vực. Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng xã hội hoá. Gắn đào tạo nghề với phát triển các ngành, lĩnh vực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp.

- Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng và sử dụng có hiệu quả "nhân tài", tập trung thu hút "người tài từ nước ngoài". Nhà nước tiếp tục đầu tư, hiện đại hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục năng khiếu trong giáo dục phổ thông. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư, đóng góp về tài chính, nhân lực, vật lực xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục năng khiếu.

c) Hoàn thiện thể chế phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả

- Thực hiện cải cách chính sách tiền lương; tăng cường cơ chế thoả thuận về tiền lương; thực hiện trả lương đúng với giá trị sức lao động để tiền lương trở thành động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, động viên người lao động cống hiến và phát huy khả năng sáng tạo.

- Đầu tư nâng cao năng lực, đổi mới nội dung công tác hướng nghiệp theo yêu cầu của thị trường lao động. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề.

- Xây dựng mạng lưới và khuyến khích phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm, tổ chức thị trường lao động thường xuyên, công khai, minh bạch; kết nối hệ thống các sàn giao dịch, giới thiệu việc làm và các điểm giao dịch việc làm trên cả nước. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, thông tin cung - cầu nhân lực, việc làm quốc gia.

2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp thúc đẩy xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể hoá quan điểm kinh tế hoá tài nguyên khoáng sản.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đa dạng hoá nguồn lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Sửa đổi, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo khung khổ pháp lý điều chỉnh hạn điền, thực hiện tích tụ tập trung ruộng đất để cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển các vùng thâm canh, chuyên canh nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Rà soát diện tích đất và tình hình đất đã giao cho các chủ sử dụng, nhất là các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước quy mô lớn. Xử lý triệt để bất cập trong quản lý, sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp, nhất là tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, cho mượn, giao khoán trái pháp luật.

- Tiếp tục nâng cao tỉ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng. Triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp. Thống nhất thiết lập và quản lý có hiệu quả hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên.

- Xây dựng chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế biển; phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và

các hệ sinh thái biển. Gắn kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, hải đảo.

- Điều tra, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên khoáng sản; áp dụng phương pháp tiên tiến trong quản trị tài nguyên khoáng sản. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản và quản lý môi trường, tiến tới đấu thầu quyền khai thác mỏ, hoạt động khai thác và một số hoạt động phụ trợ khai thác mỏ. Xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên không phép, trái phép.

- Đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá tiềm năng nước mặt và nước ngầm. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành cấp nước có tính tới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Triển khai thực hiện các giải pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm các nguồn nước. Ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm nguồn nước. Điều tra và lập cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học quốc gia. Tăng cường năng lực dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu để chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

- Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội, coi đây là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu bảo đảm hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công thông qua xây dựng, thực hiện tốt kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn, dài hạn. Ưu tiên đầu tư các công trình có tính cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, tính kết nối nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư công đúng mục đích, hiệu quả, xử lý nghiêm các vi phạm gây tổn thất, lãng phí.

- Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, kiên quyết chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, thiếu tính khả thi để tập trung đầu tư cho các công trình và dự án cấp bách khác.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội và môi trường. Làm rõ vai trò, trách nhiệm của các ngành chức năng, nhất là người

đứng đầu trong xây dựng, quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư.

- Hoàn thiện cơ chế phân cấp đầu tư, phân bổ nguồn vốn, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm và có chế tài mạnh đối với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong các quyết định đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm quản lý thống nhất.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội.

2.3. Đối với nguồn tài lực

- Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

- Thực hiện chính sách tài khoá chặt chẽ, phối hợp đồng bộ với chính sách tiền tệ. Phấn đấu từng bước giảm tỉ lệ bội chi ngân sách nhà nước, tiến tới cân bằng thu - chi. Giảm các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước để tập trung nguồn lực cho phát triển. Kiểm soát và quản lý nợ công trong giới hạn cho phép, đẩy mạnh cơ cấu lại nợ công, kiểm soát chặt chẽ các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn; hoàn thiện luật pháp, chính sách quản lý nợ công phù hợp với tình hình thực tiễn trong nước và thông lệ quốc tế. Nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công, gắn trách nhiệm phân bổ, sử dụng vốn vay với trách nhiệm giải trình, cân đối nghĩa vụ trả nợ; tập trung phát triển thị trường vốn trong nước theo hướng đa dạng hoá công cụ nợ và nhà đầu tư, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

- Rà soát, hoàn thiện và thực hiện các giải pháp đồng bộ, thiết thực, hiệu quả để tăng dự trữ quốc gia và các nguồn lực tài chính khác cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước như: Kiều hối, Quỹ bảo hiểm xã hội và các quỹ ngoài ngân sách nhà nước khác. Có giải pháp phù hợp khuyến khích huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực vàng và ngoại tệ trong dân cư cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển mạnh mẽ công nghệ tài chính và kinh tế số.

- Điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả chính sách tiền tệ, phối hợp có hiệu quả với chính sách tài khoá và các chính sách khác để kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Điều hành lãi suất, tỉ giá linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ. Triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thị trường vàng, quản lý giao

dịch vãng lai và sử dụng ngoại tệ hợp lý. Phát triển thị trường tiền tệ ổn định, minh bạch, phù hợp với định hướng phát triển thị trường tài chính.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng và Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020; tập trung xử lý, cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém và xử lý nợ xấu; nâng cao năng lực tài chính và chất lượng tín dụng, chuyển đổi mô hình kinh doanh, quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng; tăng cường, đổi mới công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; bảo đảm an toàn hệ thống.

- Hoàn thiện thể chế phát triển thị trường chứng khoán; xây dựng Luật Chứng khoán sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhằm phát triển đồng bộ thị trường vốn, thị trường chứng khoán thành kênh huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển. Chuẩn bị cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ; phát triển đầy đủ, đồng bộ thị trường chứng khoán phái sinh, cổ phiếu, trái phiếu, tạo điều kiện cho việc thực hiện các giao dịch nợ trên thị trường chứng khoán và chuyển đổi các khoản nợ xấu thành chứng khoán để giao dịch công khai, minh bạch vào thời điểm thích hợp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Hoàn thiện các quy định pháp luật về lĩnh vực bảo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế. Nâng cao năng lực quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm; thực hiện hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm.

- Giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm đúng quy định, hiệu quả.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, hướng tới xây dựng Bộ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn. Nghiên cứu xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công ở cấp quốc gia và cấp địa phương; xây dựng, đưa vào vận hành hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; mở rộng, nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Rà soát, hoàn thiện chính sách tài chính về đất đai, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

- Đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước; đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; khuyến khích, hỗ trợ thực hiện xã hội hoá đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức phổ biến, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến công tác quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc thực hiện và giám sát thi hành.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tiến hành kiểm kê, đánh giá đầy đủ các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực của toàn bộ nền kinh tế và từng địa phương, làm rõ thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực. Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết; xây dựng và triển khai thực hiện các đề án nhằm quản lý, khai thác, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực chung của đất nước cũng như của từng bộ, ngành, địa phương. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản dưới luật, xây dựng cơ chế, chính sách có liên quan tới việc quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Định kỳ 5 năm rà soát, cập nhật về thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban cán sự đảng, đảng đoàn và cấp uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện Nghị quyết.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng